



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 4/2025

CTCP Công nghệ Sao Bắc Đẩu

Ngày 31/12/2025	8,200 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	10.8%	3.8%	7.9%

DT thuần Q4/25
247
tỷ VNĐ
YoY: ▼7.00 -2.8%

LN thuần Q4/25
-0.29
tỷ VNĐ
QoQ: ▼20.8 -101%
YoY: ▼2.90 -111%

LN sau thuế Q4/25
-0.16
tỷ VNĐ
QoQ: ▼19.8 -101%
YoY: ▼1.44 -112%

Tỷ suất lãi EBIT 2025
3.9%
YoY: +/-▼ 0.6%

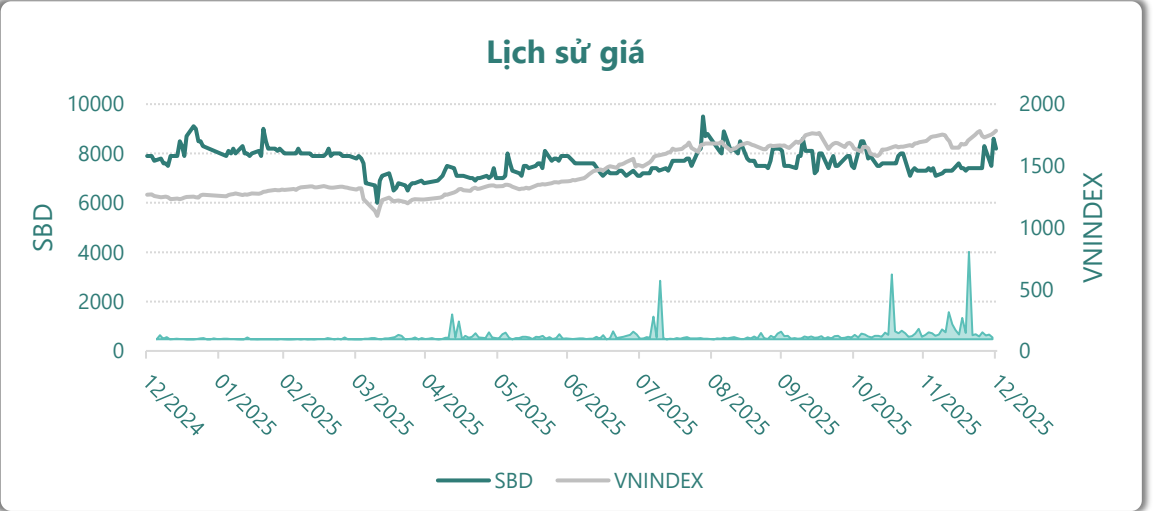
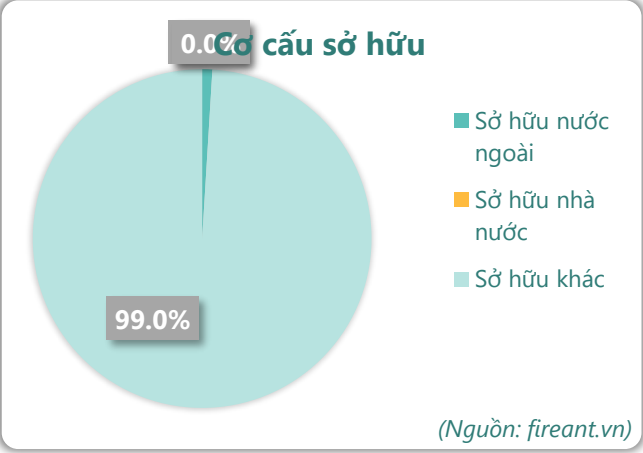
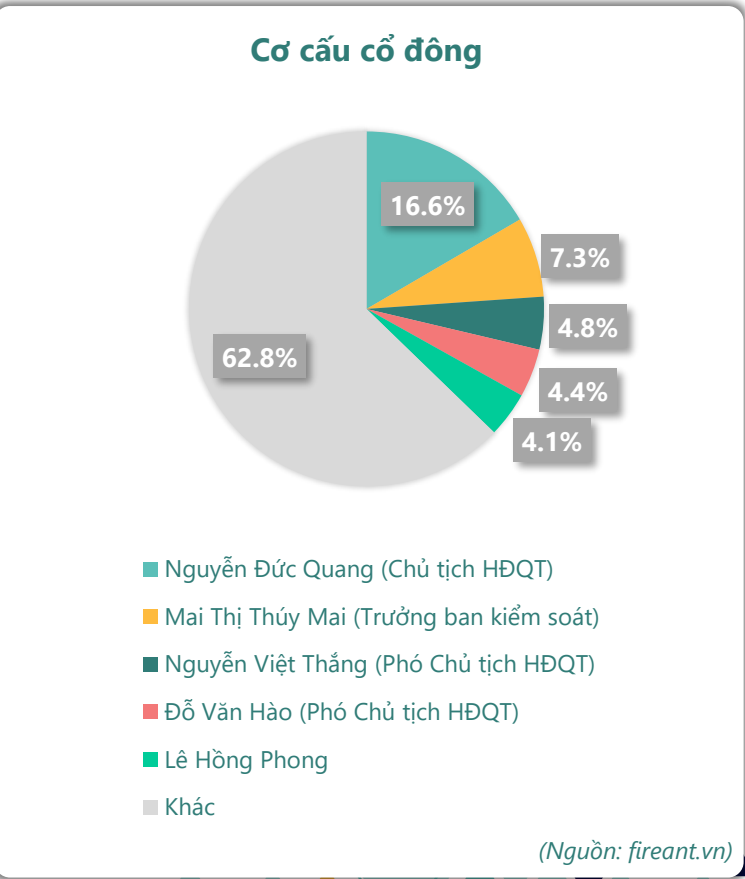
ROE 2025
1.3%
YoY: +/-▼ 0.1%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	6,000 - 9,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	114
Số lượng CPLH (CP)	13,916,480
KLGD BQ 20 phiên (CP)	4,865
Sở hữu nước ngoài	1.0%
Beta	0.81
EPS	147
P/E	55.7

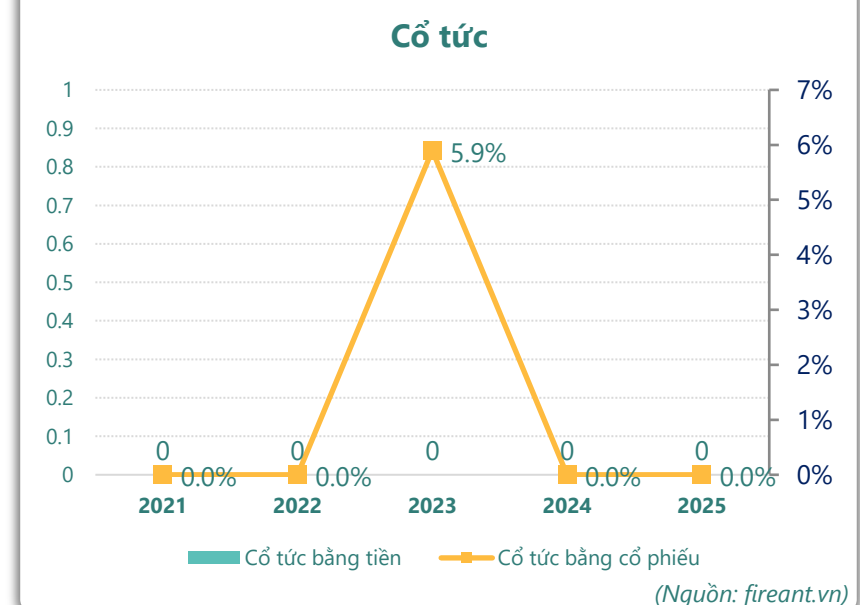
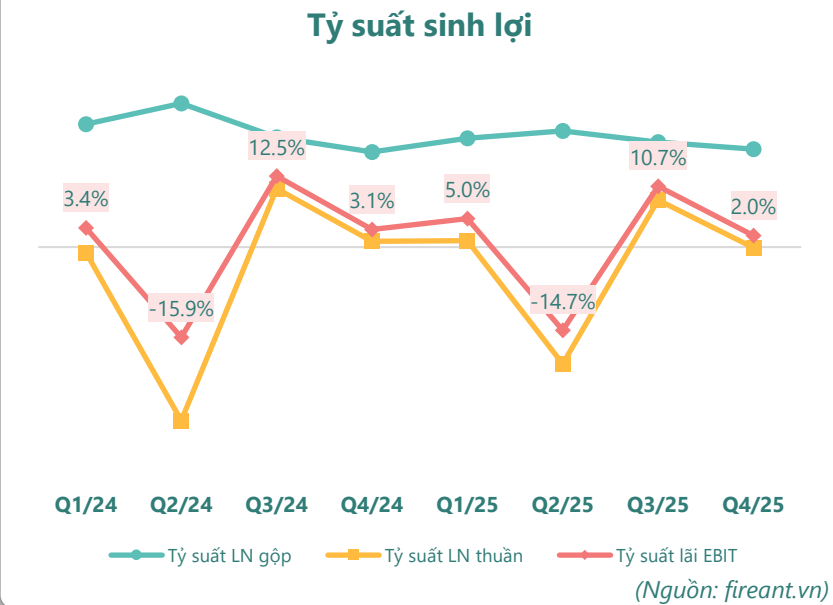
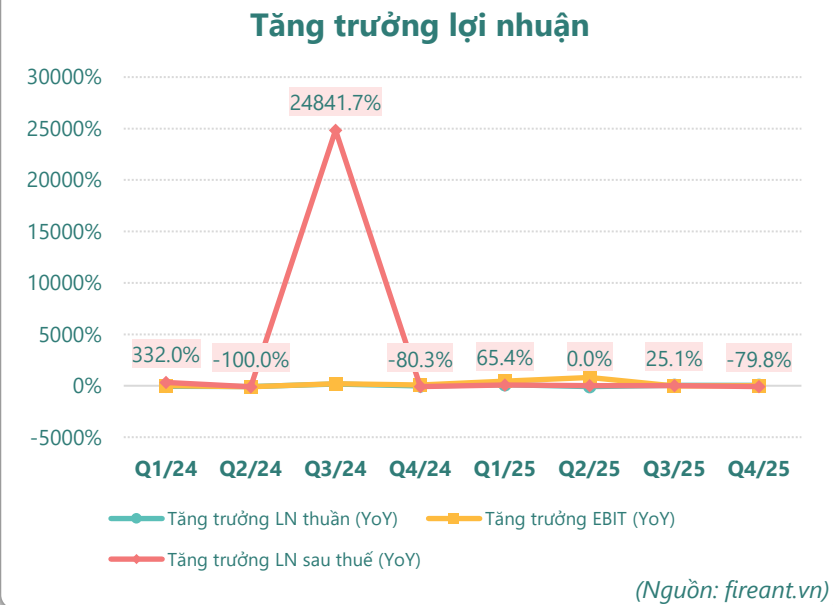
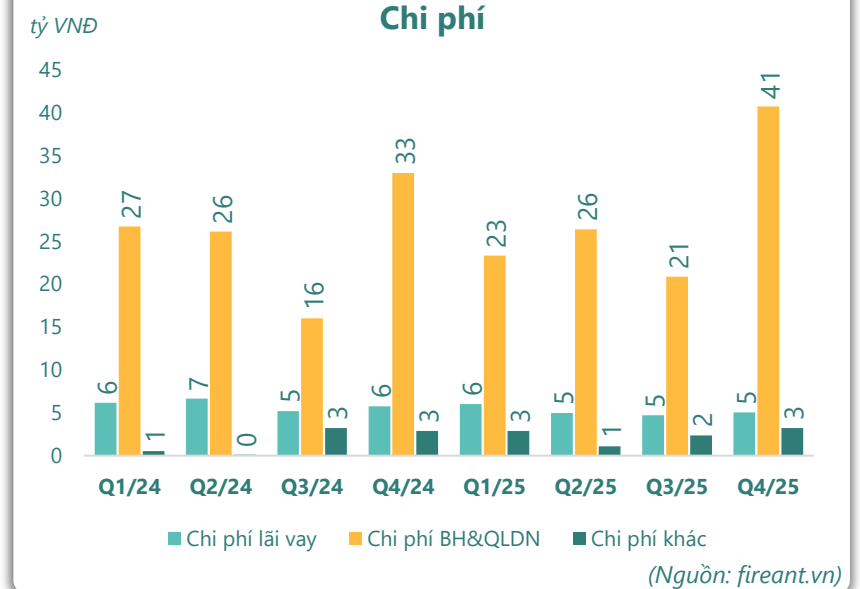
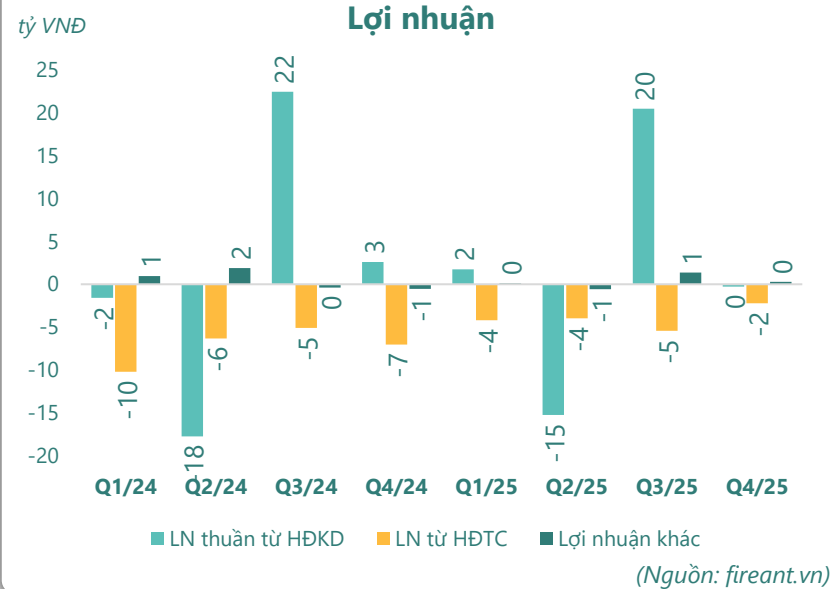
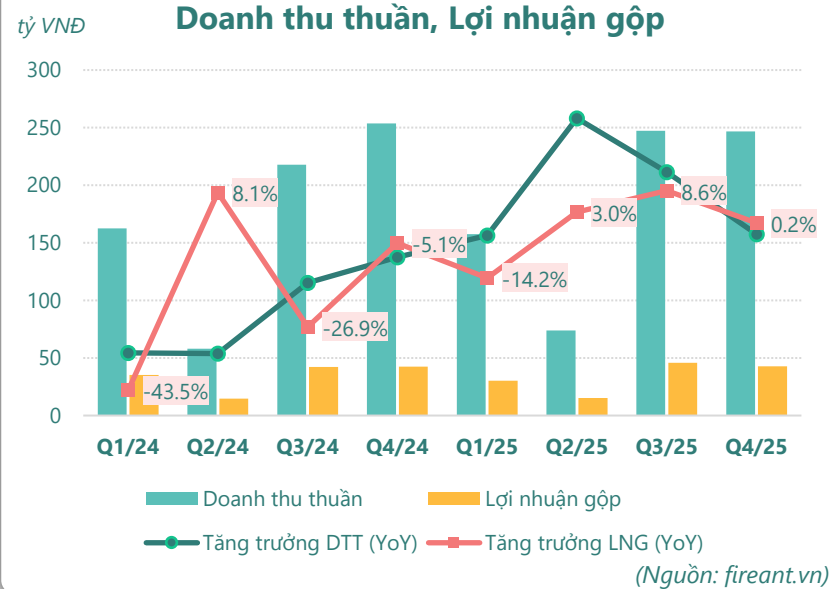
DT thuần 2025
725
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 33.0 4.8%

LN thuần 2025
6.71
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 0.95 16.4%

LN sau thuế 2025
1.94
tỷ VNĐ
YoY: ▼0.67 -25.7%



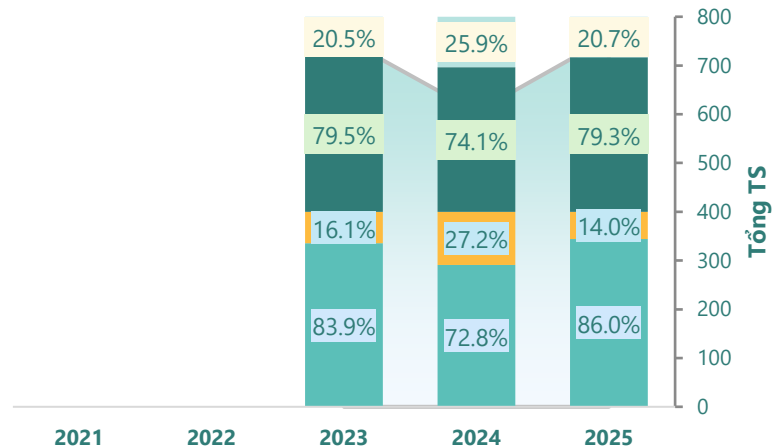
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

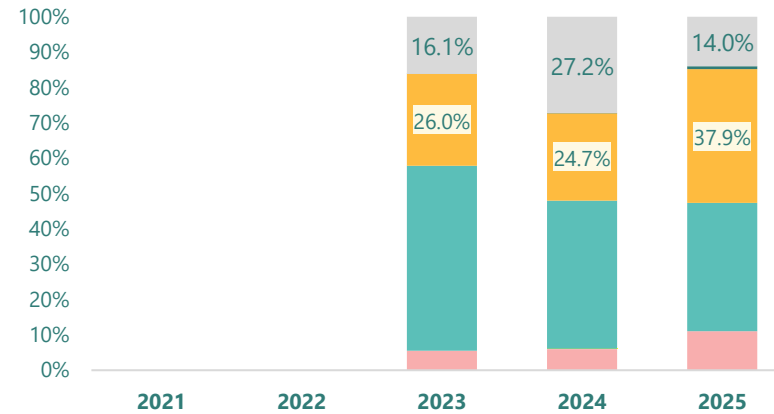
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

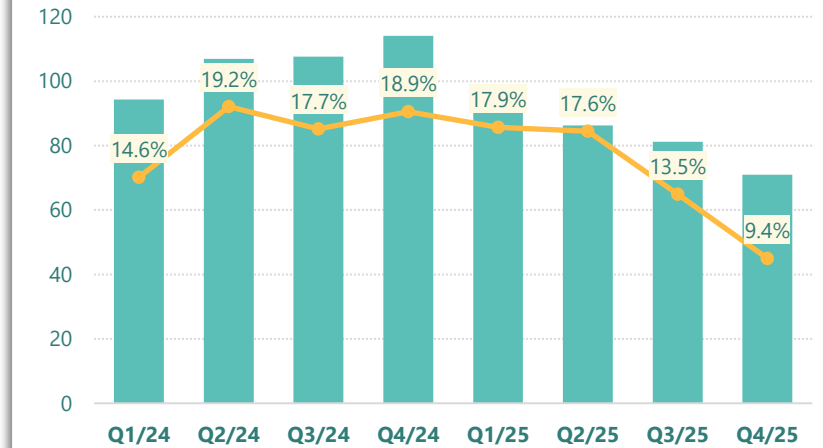


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

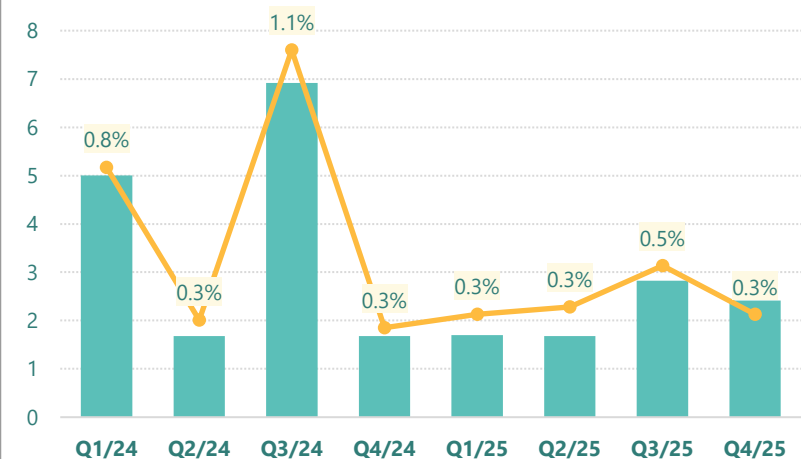


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

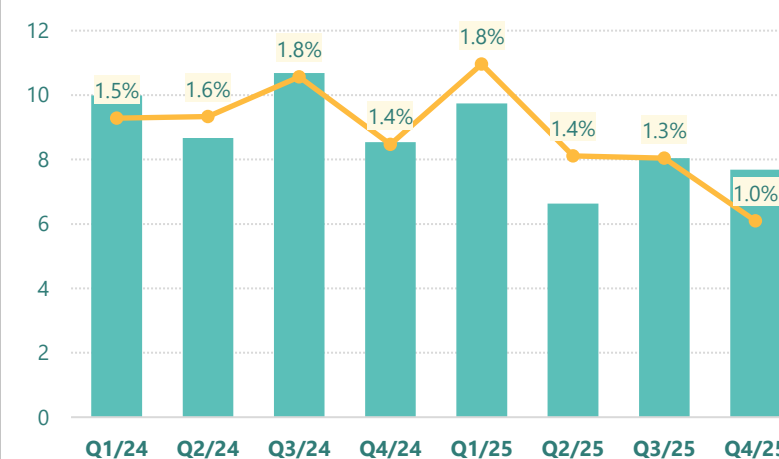


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

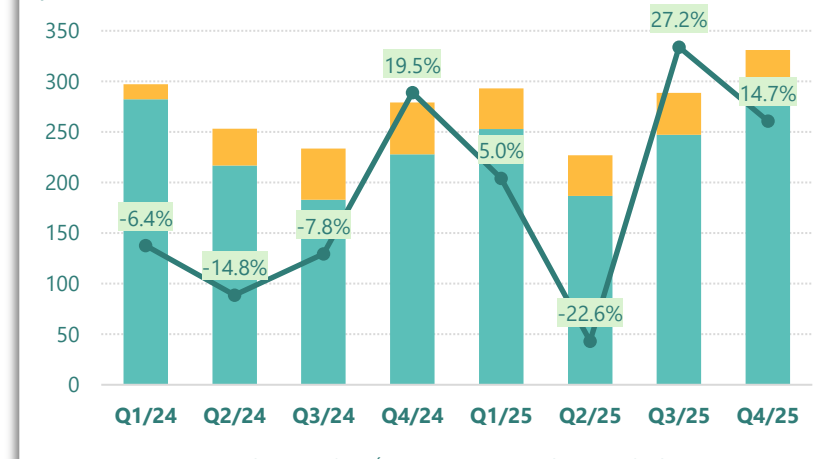


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

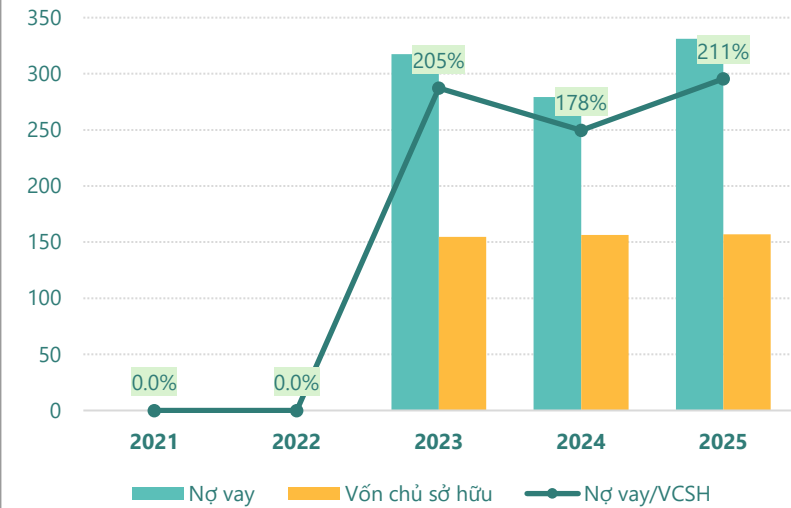
— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

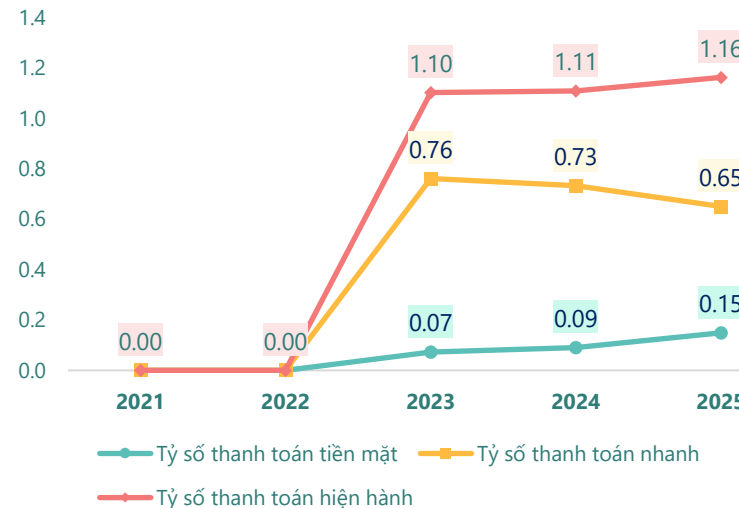
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



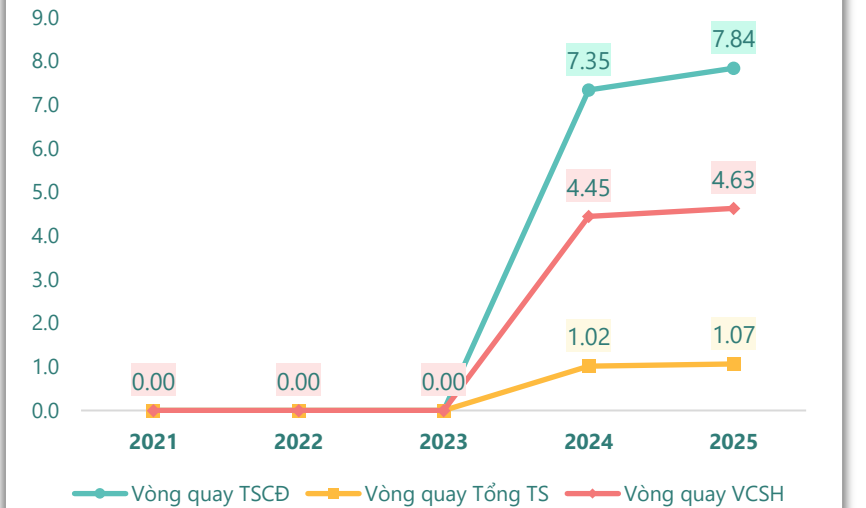
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



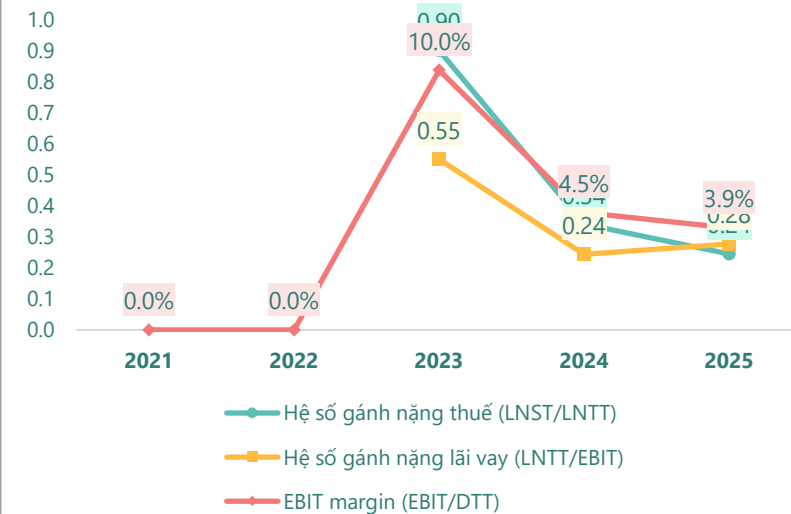
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



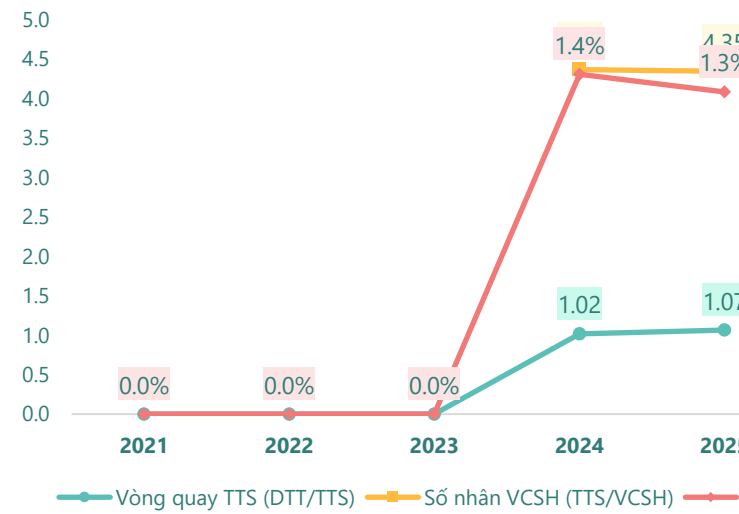
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



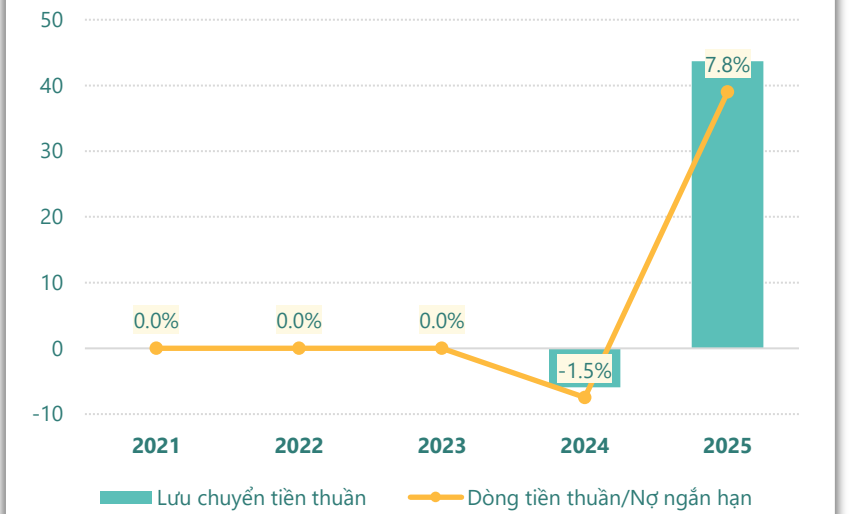
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Đồng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q4/25	Q4/24	Thay đổi YoY	2025	2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	247	254	-2.8%	725	692	4.8%
Giá vốn hàng bán	204	211	-3.3%	592	557	6.1%
Lợi nhuận gộp	42.7	42.6	0.1%	134	135	-0.6%
Doanh thu HĐTC	2.91	0.26	1017%	8.62	2.47	250%
Chi phí TC	5.13	7.28	-29.6%	24.5	31.1	-21.4%
Chi phí lãi vay	5.04	5.76	-12.6%	20.7	23.8	-12.9%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.04	1.56	-97.7%
Chi phí bán hàng	13.4	12.8	4.8%	48.8	51.7	-5.5%
Chi phí QLDN	27.3	20.1	36.0%	62.5	50.2	24.6%
LN thuần từ HĐKD	-0.29	2.61	-111%	6.71	5.76	16.4%
Lợi nhuận khác	0.29	-0.55	153%	1.22	1.89	-35.8%
LN trước thuế	0.00	2.06	-100%	7.93	7.66	3.5%
Lợi nhuận sau thuế	-0.16	1.28	-112%	1.94	2.61	-25.7%
LNST của CĐ cty mẹ	-0.54	1.17	-146%	2.05	2.15	-4.5%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	32.4	-52.2	-19.0	63.8	-38.5	5.03
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	1.89	4.23	-3.89	1.60	-0.10	1.68
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-34.3	53.2	-5.66	-62.3	57.6	43.4
Tiền đầu kỳ	30.7	30.7	35.9	11.2	14.4	33.4
Lưu chuyển tiền thuần	-0.06	5.28	-28.6	3.14	19.0	50.1
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	-0.17	0	0	0
Tiền cuối kỳ	30.7	35.9	14.9	14.4	33.4	83.5

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	757	604	25.3%
Tài sản ngắn hạn	651	440	48.1%
Tiền và tương đương tiền	83.5	35.9	132%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0.50	-100%
Phải thu ngắn hạn	275	254	8.3%
Hàng tồn kho	287	149	92.1%
Tài sản ngắn hạn khác	6.25	0.46	1251%
Tài sản dài hạn	106	165	-35.7%
Phải thu dài hạn	16.5	30.4	-45.8%
Tài sản cố định	70.9	114	-37.8%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	2.41	1.68	43.8%
Đầu tư tài chính dài hạn	7.69	8.54	-9.9%
Tài sản dài hạn khác	8.26	9.82	-15.9%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	600	448	34.0%
Nợ ngắn hạn	560	397	41.2%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	291	228	27.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	140	79.5	76.5%
Nợ dài hạn	40.2	51.3	-21.7%
Vay và nợ thuê dài hạn	40.2	51.2	-21.5%
Nguồn vốn chủ sở hữu	157	156	0.2%
Vốn chủ sở hữu	157	156	0.2%
Vốn điều lệ	139	139	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

